

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 10/2002/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 1996-2000 và triển khai thực hiện tiếp tục Chương trình thời kỳ 2001-2005

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ vào Quyết định số 446/TTg ngày 21 tháng 6 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tờ trình số 3027/BNN-KH ngày 12 tháng 10 năm 2001), ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 7866 BKH/NN ngày 19 tháng 11 năm 2001), Tài chính (công văn số 12274 TC/HCSN ngày 20 tháng 12 năm 2001), Khoa học, Công nghệ và Môi trường (công văn số 3226/BKHCNMT-NN ngày 08 tháng 11 năm 2001).

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1: Phê duyệt kết quả Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 1996-2000 với các nội dung sau:

1. Diện tích rừng:

Đến 31 tháng 12 năm 2000, cả nước có 11.314.626 ha rừng các loại, độ che phủ tương ứng là 34,4%; trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên 9.675.700 ha, chiếm 85,5% diện tích rừng cả nước.
- Diện tích rừng trồng 1.638.926 ha, chiếm 14,5% diện tích rừng cả nước.

2. Trữ lượng rừng.

Tổng trữ lượng gỗ cả nước là 782,0 triệu m³; trong đó:

- Rừng tự nhiên 751,5 triệu m³; chiếm 96,1%
- Rừng trồng 30,5 triệu m³; chiếm 6,9%

Tổng trữ lượng tre nứa cả nước là 5,3 tỷ cây.

Điều 2: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 2001-2005, theo yêu cầu nhiệm vụ sau:

1. Đánh giá tài nguyên rừng:

a) Lập Bộ số liệu tài nguyên rừng cho toàn bộ chu kỳ (2001-2005).

- Bộ số liệu tài nguyên rừng hàng năm.
- Bản đồ hiện trạng rừng hàng năm ở các quy mô và tỷ lệ khác nhau trong cơ sở dữ liệu và in ra vào năm 2004:

+ Bản đồ toàn quốc tỷ lệ 1/1.000.000

+ Bản đồ vùng tỷ lệ 1/250.000

+ Bản đồ tỉnh tỷ lệ 1/100.000.

b) Điều tra trữ lượng và các đặc trưng khác của rừng:

- Bổ sung hoàn thiện hệ thống ô điều tra, tiến hành trên hệ thống ô sơ cấp với tổng số là 4.200 ô, trong đó có 3.621 ô của chu kỳ II, được điều tra lặp lại và 579 ô bổ sung trên diện tích rừng mới tăng thêm.
- Từ hệ thống ô sơ cấp và các kiểu rừng trên phạm vi toàn quốc, chọn và lập 100 định vị nghiên cứu sinh thái để theo dõi, nghiên cứu những đặc trưng cơ bản của rừng.

c) Điều tra xây dựng các báo cáo chuyên đề:

- Nghiên cứu diễn biến cấu trúc rừng tự nhiên của một số trạng thái rừng.
- Nghiên cứu đặc điểm lâm học kiểu rừng phục hồi ở 6 vùng và tổng hợp toàn quốc.
- Điều tra tình hình tái sinh phục hồi rừng tự nhiên trên đất trống đồi núi trọc thuộc 6 vùng và tổng hợp toàn quốc.